

BẢO TỒN NGUỒN GEN VẬT NUÔI Ở VIỆT NAM: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

GS LÊ VIỆT LY

Nguyên Chủ nhiệm Đề án bảo tồn nguồn gen vật nuôi

Đề án bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở nước ta đã được tiến hành từ hơn 20 năm qua, do Viện Chăn nuôi chủ trì thực hiện. Nhiều thành quả có ý nghĩa khoa học đã được tổng kết và được thực tiễn công nhận như: bảo tồn và phát triển cừu Phan Rang, hươu sao, gà H'Mông, gà Ác...; một số giống đã được đưa vào danh sách bộ giống quốc gia hay địa phương. Một thành tích quan trọng khác của Đề án là đã tư liệu hoá được rất nhiều giống bản địa, phát hiện được các gen quý cũng như cứu được một số giống có nguy cơ tuyệt chủng... Bên cạnh những kết quả đạt được, những mâu thuẫn, trở ngại cũng đã bộc lộ dần do tăng trưởng mạnh của dân số, sự phát triển nóng về kinh tế... Để công tác bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở nước ta mang lại hiệu quả thiết thực hơn nữa trong thời gian tới, chúng ta cần phải xem xét lại nội dung, phương thức tiến hành, thấy rõ những cái có thể và những cái ngoài tầm tay.

Vi sao phải bảo tồn sự đa dạng sinh học (ĐDSH) vật nuôi?

Trong các phép lạ của tự nhiên thì ĐDSH là một hiện tượng kỳ diệu, trong đó sự đa dạng các giống vật nuôi là đặc biệt thú vị. Con người bằng trí thông minh và lao động sáng tạo đã tạo nên nhiều giống vật nuôi quý giá.

Kết quả hàng ngàn năm lao động của con người đã tạo nên hàng trăm giống vật nuôi không những phù hợp với điều kiện tự nhiên, mà lạ kỳ thay chúng cũng đáp ứng được những nhu cầu, ý thích của con người như cung cấp thịt, trứng, sữa cho đời sống; da, lông cho công nghiệp; phân bón cho đất trồng; sức kéo (cày, kéo) làm động lực trong nông nghiệp,

kể cả làm thú vui trong các hội hè (gà chọi, đấu bò, chọi trâu...).

Khi nói đến bảo tồn sự đa dạng hệ động vật, người ta thường nghĩ ngay đến bảo vệ dã thú. Đúng, khi dân số ngày một tăng, con người phải lấn rừng, mở mang đất trồng trọt, tăng cường săn bắt thú nên đã làm cho rất nhiều loài bị tuyệt diệt. Điều này là dễ thấy và đã thu hút sự quan tâm của nhiều người, kể cả các nhà khoa học. Thế nhưng thật là sai lầm, nếu chúng ta coi nhẹ một hiện tượng đáng quan ngại khác, đó là sự xói mòn của nguồn gen các giống vật nuôi. Dưới áp lực tăng dân số, với sự áp dụng rộng rãi của các kỹ thuật mới như thụ tinh nhân tạo, rất nhiều giống vật nuôi bản địa đã biến mất trong một

thời gian ngắn ngủi. Chạy theo thị trường, chạy theo năng suất cao, người ta bỏ luôn các giống nội địa mà chỉ chú trọng khai thác giống nhập từ bên ngoài hoặc tiến hành lai giống bữa bãi. Người ta quên hẳn một điều là các giống bản địa tuy năng suất thấp nhưng bên cạnh tính thích nghi cao với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, chúng còn mang các gen quý giá quyết định chất lượng sản phẩm, như thịt thơm ngon, hợp thị hiếu của người tiêu dùng địa phương... Ngoài ra cũng phải nhấn mạnh là, phải mất hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm, con người mới tạo ra được các giống vật nuôi quý giá trên, và rằng nếu để chúng mất đi thì chẳng bao giờ tìm lại được, bởi vì môi trường trước đây

sản sinh ra chúng sẽ chẳng bao giờ lặp lại nữa.

Công việc cần thiết hàng đầu là phải bảo tồn chúng, cải tiến và sử dụng tốt các giống đang có và giảm đến mức thấp nhất sự diệt vong của chúng. Tính ra số lượng gia súc của thế giới (chỉ tính từ 10 loại gia súc chính) là vào khoảng 5.000 giống. Các loại gia súc chính bao gồm: trâu, bò, lừa, ngựa, dê, cừu, lợn... Bức tranh này có thể còn xa thực tế bởi vì sự thiếu sót của việc thu thập tư liệu, nhất là từ các nước đang phát triển, và cũng vì người ta không biết chắc chắn là khi nào một quần thể đạt tới sự đồng nhất của giống.

Có thể dễ dàng nhận thấy các yếu tố uy hiếp đối với các giống có giá trị kinh tế thấp, đó là sự thay thế giống và sự lai giống. Các kỹ thuật di truyền đã có đóng góp to lớn vào việc cải tiến số lượng, chất lượng giống và đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Đó là mặt tích cực mà ai cũng thừa nhận. Nhưng mặt trái của nó là gì? Đó là làm xói mòn nguồn gen các giống nuôi bản địa có năng suất tuy thấp nhưng lại rất hợp với điều kiện sinh thái, kinh tế, xã hội địa phương.

Vấn đề phát triển bền vững - bảo tồn nguồn gen vật nuôi trong mối quan hệ với môi trường sống

Khái niệm phát triển bền vững đã được FAO định nghĩa và nhiều người ủng hộ, đó là: “Phát triển bền vững là quản lý và bảo tồn cơ sở tài nguyên thiên nhiên và quản lý sự thay đổi về kỹ thuật, về tổ chức theo hướng đảm bảo được và tiếp tục thỏa mãn nhu cầu của con người cho thế hệ hiện nay và cả mai sau. Sự phát



Gà H'mông

triển bền vững này (trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp) nhằm gìn giữ đất, nước, tài nguyên thực vật và động vật cũng tức là không phá hoại môi trường, với các tiêu chí: kỹ thuật thích hợp, kinh tế sống động và xã hội tiếp nhận”.

Có hai quan điểm trái ngược nhau trong việc nhìn nhận xã hội hiện nay: một quan điểm chỉ thấy lợi ích ở chỗ cải thiện phúc lợi cho con người; một quan điểm ngược lại chỉ thấy mặt trái, thảm cảnh của việc sử dụng sai trái tài nguyên.

Với sự tiến bộ như vũ bão của khoa học và công nghệ (KH&CN) thế kỷ XX, rất nhanh, mặt phải và mặt trái của quá trình đã được làm rõ. Bởi vì nhờ tiến bộ của KH&CN, ngày nay con người có khả năng ứng dụng ngay tức thì trên diện rộng các phát hiện mới, trong khi ở các thế kỷ trước việc ứng dụng này diễn ra chậm chạp và hạn chế ở từng khu vực. Chính vì thế mà bất cứ một sự thay đổi nào của thiên nhiên sẽ cho thấy

lợi ích cũng như tác hại một cách nhanh chóng trên phạm vi rộng lớn. Vì thế đòi hỏi con người phải thận trọng mỗi khi can thiệp bằng biện pháp KH&CN.

Không thể đổ lỗi cho sự phát triển kinh tế cũng như sự chuyển biến như vũ bão của KH&CN. Các nhà khoa học và mọi người đều phải nhận biết giữa khoảng cách của cái muốn và cái cần, giữa ý muốn bảo tồn và sự hạn chế của kinh phí. Con người trên con đường phát triển của mình đang phải đối mặt với thử thách gìn giữ môi trường. Mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển luôn xảy ra ở bất cứ nơi đâu, các nhà khoa học, nhà quản lý và cả xã hội phải chung tay tìm mọi biện pháp duy trì cho được hệ thống môi sinh phù hợp để bảo tồn sự sống của sinh vật, cũng là bảo tồn ĐDSH.

Những vấn đề đặt ra cho bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam là đất nước giàu

ĐDSH. Cả nước có khoảng 275 loài thú, 800 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài lưỡng cư, 2.470 loài cá, 5.500 loài côn trùng. Tính độc đáo của ĐDSH là khá cao: 10% số loài thú, chim và cá của thế giới tìm thấy ở nước ta. Nếu nói về vật nuôi thì sự đa dạng cũng thật phong phú. Dù phải trải qua nhiều thiên tai và những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc kéo dài nhiều thập kỷ, các giống bản địa ở nước ta vẫn còn nhiều, đang đợi sự đánh giá và bảo tồn.

Cũng như rất nhiều nước kém phát triển khác, một điều trớ trêu là sự phong phú về ĐDSH của nước ta lại không đi đôi với sự giàu có về kinh tế. Những vốn gen quý cần phải được bảo tồn, nhưng muốn giữ chúng thật không dễ dàng, đòi hỏi nguồn kinh phí khổng lồ và nhiều công sức nữa. Kinh nghiệm cho thấy, dù ĐDSH là vốn quý chung của nhân loại, nhưng đừng hy vọng nhiều ở viện trợ quốc tế, có chăng chỉ là về kỹ thuật và một số ít dự án với kinh phí nhỏ nhoi. Vì vậy, cần phải thông minh để đánh giá, lựa chọn nguồn gen quý đáng bảo tồn và phát triển. Kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy, không thể và cũng không cần thiết giữ lại tất cả các giống theo kiểu bảo tồn in-situ. Chỉ nên bảo tồn in-situ đối với một số giống có thể khai thác và phát triển ở một vùng nào đó nếu có thị trường, hoặc có thể gắn với văn hoá, du lịch. Ngoài ra, việc giữ các gen quý qua bảo tồn vật liệu di truyền trong phòng thí nghiệm sẽ là hợp lý, cần áp dụng.

Đề án bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam đã được thực hiện hơn hai thập kỷ. Nhiều thành quả có ý nghĩa khoa học đã được

tổng kết, trong đó có không ít thành quả được sản xuất công nhận như: bảo tồn và phát triển cừu Phan Rang, hươu sao, gà H' Mông, gà Ác, gà Mía, gà Hồ... Một số giống đã được đưa vào danh sách bộ giống quốc gia hay địa phương. Một thành tích quan trọng khác của Đề án bảo tồn nguồn gen của nước ta là đã tư liệu hoá được rất nhiều giống bản địa, phát hiện được các gen quý cũng như cứu được một số giống có nguy cơ tuyệt chủng. Việc bảo tồn vật liệu di truyền trong phòng thí nghiệm bước đầu đã được thực hiện. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này cũng đã được đẩy mạnh với hàng chục dự án song phương và đa phương. Cũng phải nhắc đến một thành quả nổi bật của Đề án là đã nâng cao ý thức của mọi người về việc bảo tồn nguồn gen vật nuôi - vốn quý mà cha ông đã để lại.

Trong bài viết này tác giả không muốn nói nhiều đến những thành công mà muốn tập trung vào những nhiệm vụ đặt ra trước mắt và tương lai gần. Năm 2008, Luật ĐDSH đã được ban hành. Lần đầu tiên nước ta có một văn bản pháp lý cao nhất để bảo tồn các nguồn gen động, thực vật quý, đồng thời cũng đặt lên vai các cán bộ khoa học cũng như mỗi người dân một trọng trách to lớn. Thời gian đã đủ dài để đánh giá và tìm ra những yếu tố đang gây trở ngại cho công tác bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở nước ta. Thực tế đã cho thấy sự hụt hơi do yếu kém về tài lực và cả nhân lực bộc lộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Như đã đề cập bên trên, giữa bảo tồn và phát triển luôn phát

sinh mâu thuẫn. Nước ta còn nghèo, dân số lại đông mà nguồn gen vật nuôi lại rất phong phú, công việc bảo tồn thật không dễ dàng. Nguồn lực không cho phép nên cần phải sử dụng kinh phí một cách thông minh, dựa vào cộng đồng mới mong công việc đạt được một kết quả bền vững. Thường thì phát triển nóng khó tránh khỏi phá hoại môi trường, trong đó ĐDSH bị tổn thương đầu tiên (có thể thấy qua tình hình phát triển giao thông, thuỷ điện gần đây). Nạn nghèo đói cũng dẫn đến khai thác cạn kiệt tài nguyên. Tất nhiên con người phải điều chỉnh hoạt động của mình để đạt tới sự hài hoà, bền vững cần thiết.

Bảo tồn vật sống in-situ được coi trọng trong thời gian đầu của Đề án bảo tồn nguồn gen là hợp lý, nhưng vì số lượng giống vật nuôi ngày càng lớn, kinh phí lại có hạn, vì vậy, sau khi được đánh giá cẩn thận chúng ta phải chọn bảo tồn những giống có giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ để phát triển. Đã đến lúc phải hết sức coi trọng kết hợp bảo tồn với khai thác du lịch, chuyển nuôi một số giống vào các vườn bách thú hoặc các trại nhằm mục đích du lịch.

Có lẽ bảo tồn ex-situ các vật liệu di truyền (tinh, phôi, lông, da...) trong phòng thí nghiệm sẽ là hướng đi hợp lý. Hiện đã có nhiều ngân hàng gen ở nhiều nước và nhiều khu vực đang mở ra khả năng hợp tác. Tất nhiên nó phải được thực hiện trên cơ sở cùng chia sẻ lợi ích, phù hợp luật pháp của từng nước và quốc tế.

Công tác tư liệu hoá nguồn gen vật nuôi cần được làm sâu

hơn, đầy đủ hơn, coi trọng đánh giá cả tính trạng thể hình lẫn di truyền. Cần tập trung đánh giá về khoảng cách di truyền của một số giống tương tự nhau về kiểu hình, sống trên địa bàn gần nhau để giảm bớt những giống có tên khác nhau nhưng đều có chung đặc điểm di truyền. Nhiều giống lợn của người H'Mông chẳng hạn, được gọi bằng nhiều tên khác nhau như lợn Mèo, lợn Mẹo, lợn Muồng Khương, lợn Bản... hiện chưa được phân tích di truyền để biết liệu có phải cùng một giống không. Người ta cũng gặp các trường hợp tương tự như vậy ở các giống gia súc, gia cầm khác ở các vùng gần biên giới giữa nước ta và các nước bạn.

Nhiều giống bảo tồn in-situ đã không được đánh giá đầy đủ về năng suất, tính thích nghi và cả thị trường nữa, nên không phát triển được. Dựa vào thói quen ăn thịt thú rừng ưa thịt chắc, mùi thơm, bán được giá, người ta dễ có ảo tưởng phát triển nhiều giống miền núi hoặc lai giống với thú rừng mà quên rằng thị trường là rất chật hẹp, phát triển nhiều, giá sẽ hạ vì dư thừa.

Tình hình lai giống bừa bãi đang gây xói mòn nghiêm trọng đến nguồn gen vật nuôi ở nhiều nơi. Nhiều đặc tính kinh tế quý, hợp với thị hiếu người tiêu dùng đã mất (như chất lượng thịt, mùi thơm...), thiệt hại ấy là lớn hơn nhiều so với việc cải thiện năng suất, chưa kể đến sức chống chịu bệnh giảm sút của con lai. Cừu Phan Rang là một ví dụ, giống cừu quý này nhiều nạc, ít mỡ, nên thịt không hôi. Gần đây ở một số nơi người ta cho lai với cừu nhập từ Úc, làm chất lượng thịt giảm

sút hẳn.

Kinh phí cho Đề án bảo tồn không nhiều, nhưng việc sử dụng nhiều khi lại manh mún, chưa huy động được đóng góp của xã hội nên hiệu quả thấp. Những giống có ý định chuyển sang khai thác phát triển trước hết phải điều tra kỹ thị trường và cần được đầu tư kinh phí nhiều hơn, có sự hợp tác với các công ty có tiềm lực thì mới có thể mang lại hiệu quả thực chất. Chỉ có như vậy mới đủ điều kiện để đề xuất Nhà nước đưa những giống bản địa trên vào danh sách bộ giống quốc gia.

Gần đây hiện tượng phát triển nuôi dã thú (lợn rừng, nhím...) ở một số nơi được truyền thông cổ súy và phổ biến. Mặt tốt của nó là có thể mang lại lợi ích cho người nuôi, góp phần xoá đói giảm nghèo, nhất là ở miền núi. Nhưng mặt trái của nó lại là kích thích thói quen ăn thịt thú rừng. Ta hãy thử làm phép tính xem số lượng dã thú do người nuôi được là bao nhiêu, trong khi vô hình trung cổ vũ cho việc săn lùng (để bán giống) và tiêu thụ thịt thú rừng công khai, tràn lan. Đó là chưa kể đến nguy cơ làm lây lan bệnh từ dã thú cho gia súc. Việt Nam đã có Luật ĐDSH, không nên tạo ra các lỗ hổng như trên.

Tóm lại, sau hơn 20 năm thực hiện Đề án bảo tồn nguồn gen vật nuôi, đã đến lúc các cơ quan quản lý và nghiên cứu khoa học phải xem xét và điều chỉnh lại, Đề án này nhằm đóng góp hiệu quả hơn nữa cho sự nghiệp bảo tồn ĐDSH của đất nước. Phương hướng là nên chọn lọc, số lượng giống bảo tồn in-situ ít hơn cho hợp với khả năng tài lực và triển vọng ứng dụng cho sản xuất; tận

dụng trang thiết bị hiện đại của phòng thí nghiệm để bảo tồn ex-situ; kết hợp hiệu quả hơn bảo tồn và phát triển thông qua việc khai thác có chọn lọc các giống có triển vọng, được thị trường chấp nhận

Tài liệu tham khảo

1. Animal Genetic Resources - MAFF International Workshop, December 5-7, 1995, Japan.
2. Lê Quý An (2000), ĐDSH và một số vấn đề trong việc sử dụng và bảo tồn tài nguyên sinh học ở Việt Nam - Hội thảo "Pháp luật tiếp cận và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen thực vật".
3. Conservation & Management of Genetic Diversity: a domestic animal perspective. Barker J.S.F-2001.
4. Kế hoạch hành động ĐDSH của Việt Nam - Dự án Quỹ môi trường toàn cầu VIE/91/G31, Hà Nội 1995.
5. Le Viet Ly (1993), Note on the local animal genetic resources and their conservation in Vietnam. Animal Genetic Resources Information, FAO, Rome.
6. Lê Viết Ly và các tác giả (1994), Kết quả nghiên cứu bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam.
8. Lê Viết Ly và các tác giả, Chuyên khảo "Bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam", Phần I gia súc (1999), Phần II gia cầm (2001).
9. Hoàng Văn Tiệu và các tác giả (2012), "Một số kết quả và tồn tại trong công tác bảo tồn và khai thác nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam", Hội thảo bảo tồn nguồn gen vật nuôi.